

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 28 - 03 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Thọ

Ông Vi Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký TAND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vay tiền). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số nhà 32, tổ 15A, khu 5, phường V (nay là phường N), thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Bùi Thị H, Sinh năm 1963 và ông Nguyễn Mạnh V, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu 3 (nay là khu A), xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

(Ông T, bà H, ông V đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 22/06/2013 bà Vũ Thị Ngọc Đ có cho vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Mạnh V vay số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay bà H có viết giấy vay tiền (giấy nhận nợ), bà H là người viết giấy, bà H và ông V (chồng bà H) cùng ký giấy vay tiền (giấy nhận nợ), hẹn đến ngày 04/7/2013 sẽ trả đủ số tiền vay. Vì thời gian vay ngắn nên không tính lãi suất. Đến hạn trả nợ vợ chồng bà H, ông V không trả nợ. Bà Đ đã đến nhà đòi nhiều lần thì vợ chồng bà H, ông V trả được số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) vào các ngày: Ngày 22/9/2013 bà H trả 5.000.000 đồng, ngày 10/10/2013 bà H trả 2.000.000 đồng, ngày 19/8/2013 bà H trả 1.000.000 đồng. Khi trả tiền bà Đ, bà H có viết và ký giấy nhận tiền với nhau. Số tiền vợ chồng bà H, ông V còn nợ bà Đ là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Từ cuối năm 2014 đến nay vợ chồng bà H, ông V chây ì, lẩn tránh nghĩa vụ trả tiền cho bà Đ. Bà Đ đã đòi nhiều lần nhưng không được. Nay bà Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông V phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Tiền lãi tính từ ngày vay 22/6/2013 đến ngày 22/10/2024 là 134 tháng, với mức lãi suất 0,833%/tháng, là 147.341.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là: 132.000.000 đồng + 147.341.000 đồng = 279.341.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Xuân T đề nghị rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi. Bà Đ chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông V phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Số tiền lãi là 147.341.000 đồng, bà Đ không yêu cầu vợ chồng bà H, ông V phải trả nữa.

2. Phía bị đơn bà H, ông V trình bày:

- Bà Bùi Thị H trình bày: Khoảng cuối năm 2012 bà H có vay của bà Vũ Thị Ngọc Đ số tiền gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Sau hơn một tháng bà H không trả được lãi nên bà H viết lại giấy khác vay 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Các giấy trên đều không ghi thời hạn trả nợ. Các giấy vay này bà Đ đều cầm nên bà H không có để cung cấp cho Tòa án. Đến đầu năm 2014 thì bà H đã trả cả gốc và lãi làm nhiều lần cho bà Đ, do thời gian đã lâu nên bà H không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu lần và số tiền đã trả gốc, lãi là bao nhiêu. Đến năm 2015 thì bà H đã trả hết tiền nợ cho bà Đ. Những lần trả tiền thì bà H đều đưa tiền trực tiếp cho bà Đ nhưng không yêu cầu bà Đ viết giấy nhận tiền.

Bà H xác định ngày 22/6/2013, ngày giỗ của mẹ chồng bà H, bà Đ có đi xe ô tô qua nhà gọi bảo bà H “Cháu lấy cho cô 01 bát họ, cô lên xe cháu chở cô đi lấy”. Sau đó bà Đ đưa bà H về nhà bà Đ, có 06 người thanh niên xã hội đen giữ bà H lại, sau đó bà H có gọi cho chồng là ông V đến đón về và viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của bà Đ nội dung: “Tên tôi là Bùi Thị H, chồng là Nguyễn Mạnh V, nơi ở khu 3, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng tôi có vay của chị Vũ Thị Ngọc

Đ, ở khu 2, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Hẹn đến ngày 07/4/2013 vợ chồng tôi sẽ trả số tiền trên cho chị Đ”. Bà H xác định chữ ký trong giấy nhận nợ là chữ ký của bà và chồng bà là ông V. Việc viết giấy nhận nợ là theo yêu cầu của bà Đ, nhưng bà H không có tài liệu hay chứng cứ gì về việc này để cung cấp cho Tòa án. Đồng thời sau khi sự việc xảy ra thì bà và chồng bà là ông V cũng không báo công an tố cáo việc bị bà Đ ép buộc, hướng dẫn viết giấy nhận nợ.

Đến nay bà H xác định đã trả hết nợ cho bà Đ nên không đồng ý trả nợ cho bà Đ theo yêu cầu của bà Đ.

- Ông Nguyễn Mạnh V trình bày: Ông là chồng của bà H, ông không nắm được cụ thể vợ ông là bà H có vay nợ của bà Đ số tiền là bao nhiêu, đã trả hết hay chưa. Ông thừa nhận lời khai của bà H về việc ngày 22/6/2013 bà H có viết giấy nhận nợ cho bà Đ nội dung: “Tên tôi là Bùi Thị H, chồng là Nguyễn Mạnh V, nơi ở khu 3, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng tôi có vay của chị Vũ Thị Ngọc Đ, ở khu 2, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Hẹn đến ngày 07/4/2013 vợ chồng tôi sẽ trả số tiền trên cho chị Đ”, và ông có cùng ký tên ghi rõ họ tên vào giấy nhận nợ là đúng. Ông cũng không báo cáo công an tố cáo việc bà H bị bà Đ ép buộc, hướng dẫn viết giấy nhận nợ như bà H khai là đúng.

Quan điểm ông V đồng ý với quan điểm bà H xác định vợ chồng ông đã trả hết nợ cho bà Đ, không đồng ý trả nợ nữa.

3. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

4. Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc Đ đối với yêu cầu buộc bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Mạnh V trả số tiền lãi là 147.341.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc Đ.

Buộc vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Mạnh V có nghĩa vụ trả bà Vũ Thị Ngọc Đ số tiền 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), tiền gốc. Tiền lãi tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu không yêu cầu khoản tiền lãi số tiền là 147.341.000 đồng, cần xác nhận.

- Về án phí: Bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Mạnh V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Trả lại cho bà Vũ Thị Ngọc Đ số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng theo

biên lai số 0005423 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc Đ. Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vay tiền), được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Mạnh V hiện cư trú tại khu 3 (nay là khu A), xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về nội dung hợp đồng vay tài sản (vay tiền): Ngày 22/6/2013, bà Vũ Thị Ngọc Đ có cho vợ chồng Bùi Thị H, ông Nguyễn Mạnh V vay số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay vợ chồng bà H, ông V có viết giấy vay nợ (giấy nhận nợ) với nội dung: “Tên tôi là Bùi Thị H, chồng là Nguyễn Mạnh V, nơi ở khu 3, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng tôi có vay của chị Vũ Thị Ngọc Đ, ở khu 2, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Hẹn đến ngày 07/4/2013 vợ chồng tôi sẽ trả số tiền trên cho chị Đ”. Khi vay hai bên thống nhất thời hạn vay đến ngày 07/4/2013, lãi suất do thời gian vay ngắn nên không yêu cầu. Sau khi vay bà H đã trả cho bà Đ số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) vào các ngày: Ngày 22/9/2013 bà H trả 5.000.000 đồng, ngày 10/10/2013 bà H trả 2.000.000 đồng, ngày 19/8/2013 bà H trả 1.000.000 đồng. Khi trả tiền bà Đ, bà H có viết và ký giấy nhận tiền với nhau. Số tiền vợ chồng bà H, ông V còn nợ bà Đ là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Từ cuối năm 2014 đến nay vợ chồng bà H, ông V không trả tiền cho bà Đ. Nay bà Đ khởi kiện, đề nghị Toà án buộc vợ chồng bà H, ông V phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Tiền lãi bà Đ không yêu cầu vợ chồng bà H, ông V phải trả. Quan điểm vợ chồng bà H, ông V xác định đã trả hết khoản tiền nợ cho bà Đ nên không đồng ý trả nợ nữa. Việc bà H viết giấy nhận nợ ngày 22/6/2013 có chữ ký của cả hai vợ chồng bà H, ông V là do bà Đ yêu cầu bà phải viết. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc Đ là có căn cứ bởi lẽ: Hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa bà Vũ Thị Ngọc Đ và vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Mạnh V là hợp đồng vay tiền có thời hạn. Đến hạn trả nợ ngày 07/4/2013, vợ chồng bà H, ông V không trả, bà Đ đã đòi nhiều lần thì bà H mới trả được cho bà Đ số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) vào các ngày: Ngày 22/9/2013 bà

H trả 5.000.000 đồng, ngày 10/10/2013 bà H trả 2.000.000 đồng, ngày 19/8/2013 bà H trả 1.000.000 đồng. (Có viết và ký giấy nhận tiền với nhau). Vợ chồng bà H, ông V còn nợ lại số tiền 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Vợ chồng bà H, ông V cho rằng đã trả hết nợ nhưng không đưa ra được tài liệu, giấy tờ, chứng cứ để chứng minh. Do vậy bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông V phải trả cho bà Đ số tiền còn nợ theo hợp đồng là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.3]. Đối với khoản tiền lãi: Bà Đ đề nghị vợ chồng bà H, ông V phải trả khoản tiền lãi với số tiền là 147.341.000 đồng cụ thể: Tiền lãi tính từ ngày vay 22/6/2013 đến ngày 22/10/2024 là 134 tháng, với mức lãi suất 0,833%/1 tháng x 132.000.000 đồng (tiền gốc còn nợ) = 147.341.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi 147.341.000 đồng. Không yêu cầu bị đơn vợ chồng bà H, ông V phải trả tiền lãi. Xét thấy việc nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi là phù hợp, nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bị đơn bà H, ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm về nội dung vụ án. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc Đ đối với yêu cầu buộc bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Mạnh V trả số tiền lãi là 147.341.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc Đ.

Buộc vợ chồng bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Mạnh V có nghĩa vụ trả nợ bà Vũ Thị Ngọc Đ số tiền là: 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Mạnh V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho bà Vũ Thị Ngọc Đ số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), tiền tạm ứng án phí. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005423 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã, tỉnh;
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khanh

